

Bản án: 112/2020/DS-PT
Ngày 23 tháng 5 năm 2020
V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên
Ông Nguyễn Văn Tửu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 03 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1696/2017/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 705/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1/ Ông Võ Văn B, sinh năm 1930, chết năm 2009.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B:

1.1 Ông Võ Minh N, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 3/104K TTB, ấp Nam Thới, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà Võ Ngọc M, sinh năm 1968;

Cư trú tại Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Võ Minh N.

2/ Bà Võ Kiêm L, sinh năm 1929, chết năm 2007;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L:

2.1. Ông Lê Viết H, sinh năm 1950;

2.2. Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1952;

Cùng cư trú tại Đức.

2.3. Ông Lê Viết C, sinh năm 195;

2.4. Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1959;

2.5. Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1961;

2.6. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1964;

Cùng cư trú tại Úc.

2.7. Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1966;

Cư trú tại Pháp.

2.8. Ông Lê Viết Th, sinh năm 1956;

Địa chỉ: 13 NHT, phường ĐK, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông H, ông C, bà P, bà L1, bà Y:

Ông Lê Viết Th (theo Giấy ủy quyền ngày 04/3/2010; ngày 11/3/2010 và ngày 16/9/2017).

3/ Ông Võ Thành H1, sinh năm 1937, chết năm 2008.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1:

3.1. Bà Bùi Thị Ngọc E, sinh năm 1966;

3.2. Ông Bùi Ngọc S, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: 42 QV, phường HT, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Võ Thanh H2, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 44 QV, phường HT, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Võ Thanh Th1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 37C LTĐ, phường HT, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Võ Thị Hồng P1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 50 QV, phường HT, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà S, Th1, H2 và P1: Bà Bùi

Thị Ngọc E (theo Giấy ủy quyền ngày 09/7/2009).

4/ Ông Võ Thanh V, sinh năm 1947;

Địa chỉ: 237 THĐ, Phường 1, thị xã TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền ông V: Ông Võ Kim B1 (theo Giấy ủy quyền ngày 03/9/2004).

5/ Bà Võ Thị H3, sinh năm 1934;

Địa chỉ: 110/5 TĐN, khu phố 6, phường TTA, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền bà H3: Bà Nguyễn Thị Bạch T (theo Giấy ủy quyền ngày 22/02/2017).

6/ Bà Võ Thị Ch, sinh năm 1938, chết năm 2016.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng:

6.1. Ông Mai Hữu L2, sinh năm 1964;

6.2. Ông Mai Hữu Th2, sinh năm 1966;

6.3. Ông Mai Hữu P2, sinh năm 1972;

6.4. Ông Mai Hữu Th3, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp Ch, xã LH, huyện BL, tỉnh LA.

7/ Bà Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1966.

Cư trú tại Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền bà H4: Ông Võ Minh N.

8/ Bà Võ Thị Thu H5, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 118/20 TH, Phường 15, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền bà H5: Bà Nguyễn Thị Thu H4 (theo Giấy ủy quyền ngày 07/9/2004).

9/ Ông Võ Quốc D, sinh năm 1978;

Địa chỉ: 8/5 LH, MT, LX, AG.

Người đại diện theo ủy quyền ông D: Ông Lê Viết Th (theo Giấy ủy quyền ngày 12/12/2015).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn H6, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 85 đường BS, phường TTA, quận BT (số cũ 1/153 BH, xã TT, huyện BC), thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1945;

3.2. Ông Võ Hiếu Th4, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: 87 đường BS, phường TTA, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Võ Văn Th5, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 92/3 khu phố 2, phường TTA, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Võ Thị Thanh H7, sinh năm 1941;

Địa chỉ: 143/5 LTR, phường BT, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Trần Thị Hồng R, sinh năm 1959;

3.6. Ông Võ Quang M1, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: 85 đường BS, phường TTA, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Bà Võ Thị Thu H8, sinh năm 1979;

3.8. Bà Võ Thị Tuyết M2, sinh năm 1981;

3.9. Bà Võ Thị Hoàng O, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: 85 đường BS, phường TTA, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.10. Ông Phan Văn T1, sinh năm 1943;

Địa chỉ: 77/2 khu phố 2, phường TTA, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.11. Ông Nguyễn Văn Th6, sinh năm 1950;

Địa chỉ: 4/1 đường số 2, khu phố 4, phường TTA, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.12. Bà Trần Thị U, sinh năm 1948;

Địa chỉ: 260B BS, Phường 4, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

3.13. Ông Quan Đắc H9, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 93 NTP, Phường 7, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

3.14. Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1956;

Địa chỉ: 513 KDV, phường AL, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.15. Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1956;

Địa chỉ: 36/48/15 BTT, phường AL, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

3.16. Ủy ban nhân dân quận BT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Phú C1 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Thu H4, bà Võ Thị H3, ông Võ Minh N, ông Mai Hữu Th3, bà Bùi Thị Ngọc E, ông Lê Viết Th, ông Võ Kim B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - các ông bà Võ Văn Ba, Võ Kiên L, Võ Thành H1, Võ Thanh V, Võ Thị H3, Võ Thị Ch, Nguyễn Thị Thu H4 Võ Thị Thu H5, Võ

Quốc D trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 28.403m² tại các thửa 69; 70; 75; 76; 77; 82; 83; 84 tọa lạc tại xã TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 (một) căn nhà số 85 đường BS, phường TTA, quận BT (số cũ 1/153 BH, xã TT, huyện BC), Thành phố Hồ Chí Minh trên diện tích đất thổ cư 1.153m² là tài sản của ông Võ Văn H10 (chết năm 1988) và bà Nguyễn Thị M3 (chết năm 1999). Cụ M3 đã được cấp quyền sử dụng diện tích đất 28.403m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ gốc số 424/QSĐĐ ngày 05/6/1995 của Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng phần đất có nhà trên đất thì chưa được chủ quyền.

Cụ M3 chết ngày 23/5/1999, không để lại di chúc. Cụ M3 và cụ H10 có 11 (mười một) người con, gồm các ông bà:

1/ Võ Kiêm L (bà L chết năm 2007, có 08 (tám) người con, do ông Lê Viết Th đại diện).

2/ Võ Văn B (ông B chết năm 2009, có 02 (hai) người con, do ông Võ Minh N đại diện)

3/ Võ Quang Ng1 (chết năm 1968, có con là ông Võ Hiếu Th4, đại diện)

4/ Võ Thị H3

5/ Võ Thành H1 (chết năm 2008, có 05 (năm) người con, do bà Bùi Thị Ngọc E đại diện)

6/ Võ Thị Ch (chết năm 2016, có 04 (bốn) người con, do ông Mai Hữu Th3 đại diện)

7/ Võ Thị Thanh H7

8/ Võ Minh H11 (chết năm 1968, có 03 (ba) con là các ông bà Võ Văn Th5, Nguyễn Thị Thu H4 và Võ Thị Thu H5)

9/ Võ Thanh V

10/ Võ Thanh P3 (chết năm 1980, có con là ông Võ Quốc D, đại diện)

11/ Võ Văn H6.

Hiện tài sản của cụ M3, cụ H10 do ông Võ Văn H6 đang quản lý, sử dụng. Không biết vì sao ông Võ Văn H6 đã được Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ gốc số 424/QSĐĐ ngày 30/9/1999 cho phép ông Võ Văn H6 được hưởng quyền sử dụng diện tích đất 28.403m² do bà Nguyễn Thị M3 chết để lại trong khi ông Võ Văn H6 chỉ được hưởng 1 phần trong 11 người được hưởng thừa kế theo pháp luật. Sau đó ông Võ Văn H6 đã làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Lê Ngọc Tr mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế.

Riêng căn nhà trên đất thổ cư, ông Võ Văn H6 không kịp chuyển nhượng vì các anh em đã kịp thời ngăn chặn.

Nay các ông bà Võ Văn B, Võ Kiêm L, Võ Thành H1, Võ Thanh V, Võ Thị H3, Võ Thị Ch, Nguyễn Thị Thu H4, Võ Thị Thu H5, Võ Quốc D khởi kiện yêu cầu:

1/ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 424/QSĐĐ ngày 30/9/1999 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho ông Võ Văn H6.

2/ Yêu cầu phân chia thừa kế diện tích đất 28.403m² và căn nhà số 85 đường BS, phường TTA, quận BT (số cũ 1/153 BH, xã TT, huyện BC) cho 11 (mười một) người con của bà Nguyễn Thị M3 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - ông Võ Văn H6 trình bày:

Diện tích đất 28.403m² gồm các thửa 69; 70; 75; 76; 77; 82; 83; 84, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã TT, huyện BC là của bà Nguyễn Thị M3. Sau đó vô tập đoàn. Năm 1984; 1985 tập đoàn tan rã trả đất lại cho cụ M3, nên cụ M3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế người sử dụng đất và đóng thuế cho Nhà nước là gia đình ông H6, bà N1, ông Th4 và ông Th5. Trước khi chết, cụ M3 đã chia đất cho 03 (ba) hộ là ông H6, bà N1 và ông Th5. Cho nên, sau khi cụ M3 chết, ông H6 đã tiến hành tách thửa làm sổ đỏ cho các hộ. Ông H6 được sử dụng khoảng 15.000m²; chia cho ông Th4 (hộ bà N1) hơn 6.000m² và chia cho ông Th5 hơn 5.000m². Tất cả đều được cấp quyền sử dụng đất hợp pháp. Năm 2000 ông H6 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 69; 70; 75 với diện tích hơn 9.000m². Hiện nay người nhận chuyển nhượng đất đã chuyển nhượng qua nhiều người khác nên ông H6 không biết ai đang quản lý, sử dụng đất. Riêng thửa 77 có diện tích 5.431m² và thửa 83 với diện tích 385m², ông H6 đang quản lý, sử dụng cho thuê làm bãi giữ xe.

Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất này thì ông không đồng ý vì Nhà nước cấp đất cho người đang sử dụng đất và có tên trong hộ cùng với người đã được cấp. Cho nên, ông H6 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với phần đất có căn nhà tọa lạc tại 85 đường BS, phường TTA, quận BT. Căn nhà này nằm trên đất cấp cho các hộ dân trong khu áp chiến lược. Diện tích đất khoảng 636m² và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ M3 cho bà N1 khoảng 300m², phần còn lại 336m² cụ M3 để cho gia đình ông tiếp tục quản lý, sử dụng. Khi Nhà nước giải tỏa làm dự án Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh TL - BC – RNL đã giải tỏa hết 123m² đất, số tiền được đền bù khoảng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), nên chỉ còn lại khoảng 250m². Sau này ông H6 mua thêm của ông Th6 và ông T1 khoảng 560m² đất. Căn nhà cũ của cha mẹ đã mục nát, ông H6 đã xây dựng lại để gia đình ông ở và làm nơi thờ cúng tổ tiên. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Võ Hiếu Th4 trình bày:

Ông là con duy nhất của ông Võ Quang Ng1 (hy sinh năm 1968) và bà Nguyễn Thị N1. Diện tích đất 28.403m² mà các nguyên đơn tranh chấp có nguồn gốc là của tập đoàn. Năm 1984; 1985 tập đoàn tan rã giao đất lại cho cụ M3 đứng tên. Diện tích đất được cụ M3 chia là 5.858m², gia đình ông đã được cấp chủ quyền và ông đã chuyển nhượng cho bà Lê Ngọc Tr. Việc chuyển nhượng đã tiến hành hợp pháp. Nay các nguyên đơn tranh chấp thì ông Th4 không đồng ý. Riêng phần đất cất nhà là do cụ M3 cho, gia đình ông cất nhà ở đến nay. Nay có việc tranh chấp thừa kế liên quan đến phần đất có nhà của cụ M3 thì ông Th4 và bà N1 không nhận thừa kế nữa vì đã được cụ M3 cho đất cất nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Võ Văn Th5 trình bày:

Cha của ông là Võ Minh H11, hy sinh năm 1968. Cụ H11 có 03 (ba) con là Võ Văn Th5, Nguyễn Thị Thu H4 và Võ Thị Thu H5). Gia đình ông Th5 canh tác trên đất lúc cụ M3 còn sống. Khi cụ M3 chết, ông H6 chia đất cho gia đình ông và gia đình ông Th4 là những người trực tiếp sử dụng đất. Phần đất được chia, ông đã làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp quyền sử dụng đất hợp pháp. Năm 2000, ông đã chuyển nhượng một phần đất cho bà Lê Ngọc Tr. Ông Th5 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Th6 trình bày:

Năm 1984 ông Th6 đã chuyển nhượng cho ông Võ Văn H6 diện tích đất khoảng 300m² mà hiện gia đình ông H6 đang quản lý, sử dụng. Phần đất này ông đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất nên mới chuyển nhượng cho ông H6. Nay các anh em ông H6 tranh chấp thì ông không có ý kiến gì và xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phan Văn T1 trình bày:

Năm 1984 ông T1 chuyển nhượng cho ông Võ Văn H6 một phần đất có diện tích 134m² hiện gia đình ông H6 đang quản lý, sử dụng. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất từ lâu, nay gia đình ông H6 có tranh chấp thì ông không có ý kiến gì và xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn Ng trình bày:

Diện tích đất 4.328m² tại Xã TT huyện BC, do ông Ng nhận chuyển nhượng từ bà Lê Ngọc Tr. Việc chuyển nhượng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật vì bà Tr đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 2002 QSDĐ ngày 25/9/2000 của Ủy ban nhân dân huyện BC. Nay có việc tranh chấp giữa gia đình ông Võ Văn H6 thì ông Ng không có ý kiến gì và xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Quan Đắc H9 trình bày:

Ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Võ Văn H6. Mọi thủ tục đã hoàn tất theo quy định của pháp luật. Nay gia đình ông H6 tranh chấp, ông không có ý kiến và xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân quận BT trình bày:

Nguồn gốc đất có căn nhà hiện gia đình ông Võ Văn H6 đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc đất áp chiến lược do gia đình ông Võ Văn H10 và bà Nguyễn Thị M3 sử dụng từ năm 1963 với diện tích khuôn viên là 636m² và tự cất nhà để ở.

Năm 1988, ông Võ Văn H10 chết, bà Nguyễn Thị M3 tiếp tục sử dụng đất và có cho bà Nguyễn Thị N1 một phần đất khoảng 300m² để cất nhà ở.

Năm 1999 cụ M3 chết, ông Võ Văn H6 tiếp tục quản lý, sử dụng với diện tích khoảng 336m². Trong quá trình sử dụng, ông H6 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Th6 một phần đất khoảng 200m² đất và của ông Phan Văn T1 một phần đất khoảng 134m² đất.

Phần đất nông nghiệp có diện tích 28.403m² trước đây cấp cho bà Nguyễn Thị M3. Sau khi cụ M3 chết, Ủy ban nhân dân quận BT cấp cho hộ gia đình ông Võ Văn H6 vì ông H6 là thành viên trong hộ cụ M3. Việc cấp quyền sử dụng đất cho ông H6 là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

Nay gia đình ông Võ Văn H6 có tranh chấp, Ủy ban nhân dân quận BT yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1696/2017/DS-ST ngày 25/12/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 631; 635; 674; 675; 676; 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Điều 7 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 2; 6, 7; 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B, bà Võ Kiêm L, ông Võ Thành H1, ông Võ Thanh V, bà Võ Thị H3, bà Võ Thị Ch, bà Nguyễn Thị Thu H4, bà Võ Thị Thu H5, ông Võ Quốc D.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn gồm các ông bà Võ Văn B, Võ Kiêm L, Võ Thành H1, Võ Thanh V, Võ Thị H3, Võ Thị Ch, Nguyễn Thị Thu H4, Võ Thị Thu H5, Võ Quốc D về việc yêu cầu phân chia thừa kế diện tích đất nông nghiệp 28.403m² mà Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho ông Võ Văn H6 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 424/QSDD (số O414546 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 30/9/1999).

3. Xác định căn nhà số 85 đường BS, phường TTA, quận BT (số cũ 1/153 BH, xã TT, huyện BC), Thành phố Hồ Chí Minh trên diện tích đất 947,7m², trị giá 2.843.100.000 đồng (hai tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu, một trăm ngàn đồng) là di sản của ông Võ Văn H10 và bà Nguyễn Thị M3.

4. Những người được hưởng thừa kế di sản của ông Võ Văn H10 và bà Nguyễn Thị M3 gồm: Ông Võ Văn B, bà Võ Kiêm L, ông Võ Quang Ng1, ông Võ Thành H1, ông Võ Thanh V, bà Võ Thị H3, bà Võ Thị Ch, bà Võ Thị Thanh H7, ông Võ Minh H11, ông Võ Quốc D và ông Võ Văn H6.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Thanh H7 để phần thừa kế bà được hưởng cho ông Võ Văn H6, để ông H6 dùng vào việc thờ cúng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Hiếu Th4, con duy nhất của ông Võ Quang Ng1, không nhận phần thừa kế mà ông Nguyên được hưởng của cụ H10cụ M3 vì đã được cụ M3 cho đất cất nhà.

7. Di sản của ông Võ Văn H10 và bà Nguyễn Thị M3 được chia làm 10 phần bằng nhau, mỗi phần thừa kế được nhận số tiền là 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng).

8. Giao căn nhà số 85 đường BS, phường TTA, quận BT (số cũ 1/153 BH, xã TT, huyện BC), Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Võ Văn H6. Đồng thời ông Võ Văn H6 có trách nhiệm hoàn lại giá trị phần thừa kế cho những người được hưởng thừa kế di sản của ông Võ Văn H10 và bà Nguyễn Thị M3, cụ thể:

8.1. Ông Võ Minh N đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Võ Văn B, nhận số tiền 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng);

8.2. Ông Lê Viết Th đại diện cho những người được hưởng thừa kế của bà Võ Kiêm L, nhận số tiền 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng);

8.3. Bà Bùi Thị Ngọc E đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Võ Thành H1, nhận số tiền 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng);

8.4. Ông Võ Thanh V được nhận số tiền 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng);

8.5. Bà Võ Thị H3 được nhận số tiền 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng);

8.6. Ông Mai Hữu Th3 đại diện cho những người được hưởng thừa kế của bà Võ Thị Ch, nhận số tiền 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng);

8.7. Bà Nguyễn Thị Thu H4 và bà Võ Thị Thu H5 đại diện cho những người được hưởng thừa kế của ông Võ Minh H11, nhận số tiền 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng);

8.8. Ông Võ Quốc D được nhận số tiền 284.310.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm mười ngàn đồng).

9. Những người được hưởng thừa kế di sản phần các con cụ H10, cụ M3 được nhận, tự giải quyết với nhau. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

10. Sau khi thi hành xong số tiền trên cho ông Võ Minh N, ông Lê Viết Th, bà Bùi Thị Ngọc E, ông Võ Thanh V, bà Võ Thị H3, ông Mai Hữu Th3, bà Võ Thị Thu H5, ông Võ Quốc D thì ông Võ Văn H6 được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận chủ quyền căn nhà số 85 đường BS, phường TTA, quận BT (số cũ 1/153 BH, xã TT, huyện BC), Thành phố Hồ Chí Minh.

Mọi khoản thuế, phí, lệ phí... trong quá trình làm thủ tục công nhận chủ quyền căn nhà, ông Võ Văn H6 phải chịu.

11. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, số 02/QĐKCTT ngày 03/4/2001 của Tòa án nhân dân huyện BC.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thu H4, bà Võ Thị H3, ông Võ Minh N, ông Mai Hữu Th3, bà Bùi Thị Ngọc E, ông Lê Viết Th, ông Võ Kim B1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chia thừa kế phần đất 28.403m² và được nhận kỷ phần thừa kế bằng đất đối với diện tích đất 747,7m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

Khu đất 28.403m², thuộc các thửa 69, 70, 75, 76, 82, 83, 84, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của vợ chồng cụ M3, sau đó đưa vào tập đoàn. Đến khoảng năm 1985 thì tập đoàn trả lại cho cụ M3 và cụ M3 được Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí

Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ gốc số 424/QSDĐ ngày 05/6/1995. Khi cụ M3 chết ông Võ Văn H6 tự ý làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất khi chưa tiến hành các thủ tục xác định di sản thừa kế là trái pháp luật. Việc ông H6 làm thủ tục chuyển đổi các nguyên đơn không biết. Toàn bộ diện tích nhà đất là của cha mẹ để lại sau khi chết nên phải chia thừa kế theo quy định pháp luật. Việc Ủy ban nhân dân quận BT tự ý cấp giấy cho ông H6 khi không hỏi ý kiến của các thừa kế khác của ông H6 là không đúng pháp luật.

Ngoài ra, giá trị định giá đối với tài sản của cụ H10, cụ M3 theo Biên bản định giá ngày 04/4/2007 và Công văn số 22626/CCT-TB&TK ngày 13/12/2017 của Chi cục Thuế quận BT hiện nay không còn phù hợp với giá trị thực tế. Đề nghị được nhận phân di sản thừa kế bằng hiện vật cả phần đất 947,7m², không đồng ý nhận bằng giá trị, vì cho rằng diện tích đất rất lớn nên đủ điều kiện để chia.

Đại diện Ủy ban nhân dân quận BT trình bày: Phần đất nông nghiệp có diện tích 28.403m² trước đây cấp cho bà Nguyễn Thị M3. Sau khi cụ M3 chết, Ủy ban nhân dân quận BT cấp cho hộ gia đình ông Võ Văn H6 vì ông H6 là con cụ M3 và là thành viên trong hộ cụ M3 đang quản lý, sử dụng đất. Việc cấp quyền sử dụng đất cho ông H6 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Hiện nay hồ sơ gốc cấp đất cho ông H6 không còn do biến cố hỏa hoạn ngày 27/7/2007 tại kho lưu trữ của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận BT. Mặt khác, Ủy ban nhân dân quận BT cũng có Văn bản số 2300/UBND ngày 31/7/2019 trả lời đơn của bà Võ Thị H3, trong đó có ý kiến về việc ông H6 phải có trách nhiệm liên hệ các cơ quan chức năng để đăng ký kê khai di sản thừa kế theo quy định. Do đó, Ủy ban đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định, sau khi cụ M3 chết thì quyền sử dụng đất của cụ M3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 424/QSDĐ là di sản và phát sinh quyền thừa kế đối với di sản này theo quy định pháp luật. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với di sản này là có căn cứ. Mặt khác, ông H6 tự ý làm thủ tục chuyển đổi khi chưa tiến hành các thủ tục xác định di sản của cụ M3 là không đúng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được phân di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ M3 trong quyền sử dụng chung của hộ gia đình, không xác định được thành viên hộ gia đình tại thời điểm cụ M3 được cấp giấy chứng nhận. Bên cạnh đó, chưa cập nhật đầy đủ về diện tích nhà và đất qua quá trình sử dụng để chia di sản thừa kế, làm ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn. Những thiếu sót này không thể khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hàng thừa kế:

Các đương sự đều thừa nhận: Vợ chồng cụ Võ Văn H10, cụ Nguyễn Thị M3 có 11 người con chung gồm: Võ Kiêm L, Võ Văn B, Võ Quang Ng1, Võ Thị H3, Võ Thành H1, Võ Thị Ch, Võ Thị Thanh H7, Võ Minh H11, Võ Thanh V, Võ Thanh P3, Võ Văn H6.

Cụ H10 chết vào năm 1988, cụ M3 chết năm 1999, đều không để lại di chúc.

[2] Về tài sản:

[2.1] Các đương sự thừa nhận khu đất 28.403m², thuộc các thửa 69, 70, 75, 76, 82, 83, 84, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của vợ chồng cụ M3, sau đó đưa vào tập đoàn. Đến khoảng năm 1985 thì tập đoàn trả lại cho cụ M3 và cụ M3 được Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ gốc số 424/QSĐĐ ngày 05/6/1995. Sau khi cụ M3 chết thì ông Võ Văn H6 tiến hành làm thủ tục đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho hộ ông Võ Văn H6 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 424/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 30/9/1999.

[2.2] Quá trình sử dụng đất và chuyển nhượng:

Ngày 27/11/1999 ông Võ Văn H6 làm hợp đồng tặng cho anh Võ Văn Th5 6.330m² thuộc các thửa 84, 76, anh Th5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 206378 ngày 14/2/2000, sau đó anh Th5 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Quan Đắc H9 một phần đất được tặng cho.

Ngày 27/11/1999, ông Võ Văn H6 làm hợp đồng tặng cho anh Võ Hiếu Th4 5.658m² thuộc các thửa 84, 76, anh Th4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 206379 ngày 14/02/2000, sau đó anh Th4 chuyển nhượng 4.328m² cho chị Lê Ngọc Tr, chị Tr tiếp tục chuyển nhượng cho ông Lê Văn Ng 4.328m² đất này.

Ngày 27/11/2000, ông Võ Văn H6 làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông

Quan Đức H9 10.095m², ông H9 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 306223 ngày 16/02/2001.

Ngoài ra phần đất này còn bị nhà nước thu hồi 410m². Phần còn lại 5.910m² hiện nay gia đình ông H6 đang quản lý sử dụng và cho ông Bùi Minh T3 thuê.

[2.3] Tại Công văn số 1271/CNBTA ngày 01/4/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận BT có nội dung ngoài các giao dịch chuyển nhượng đã nêu trên thì còn có các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với khu đất tranh chấp 28.403m² liên quan đến ông Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Hồng Ng2, ông Nguyễn Thịnh Đ. Hiện nay ông Đ đã nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận BT để làm thủ tục tách cho một phần diện tích trong khu đất này.

[2.4] Mặt khác trong hồ sơ vụ án còn có bản photo Quyết định số 1759/QĐ-UB ngày 27/10/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT, thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Võ Thị H3 với ông Võ Văn H6 đối với khu đất 28.403m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 424/QSDĐ nêu trên cho ông H6 có nội dung “...*Công nhận quyền sử dụng đất số 424/QSDĐ cấp ngày 30/9/1999 theo quyết định số 159/QĐ-UB-QLĐT ngày 02/6/1995 là đúng theo quy định của pháp luật...*”. Theo nội dung của quyết định này thì khu đất 28.043m² nêu trên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H6 đứng tên là đúng pháp luật và quyết định này đang có hiệu lực pháp luật.

[3] Như vậy, qua quá trình diễn tiến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng và việc giải quyết khiếu nại đối với khu đất 28.043m² tranh chấp, ngoài các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng thì còn các ông bà Nguyễn Thanh L2, bà Nguyễn Thị Hồng Ng2, ông Nguyễn Thịnh Đ chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng diện tích đất 28.403m² tranh chấp là đất nông nghiệp phiếm nên việc cấp đất cho hộ gia đình nào là thuộc quyền của Ủy ban nhân dân, để bác yêu cầu của nguyên đơn mà không áp dụng các quy định của pháp luật về thừa kế để giải quyết vụ án trong trường hợp này là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập các chứng cứ về quá trình khiếu nại đến khi ban hành Quyết định số 1759/QĐ-UB ngày 27/10/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, còn nhiều chứng cứ như một số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Quyết định số 1759/QĐ-UB và một số chứng cứ khác là bản photo, không có công chứng, chứng thực là không đảm bảo theo quy định của pháp luật về thu thập chứng cứ.

Lẽ ra, trong trường hợp này khi áp dụng các văn bản pháp luật giải quyết về di sản thừa kế thì trước hết Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét về toàn bộ các các vấn đề như: Phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về việc thu thập chứng cứ; phải xác minh, làm rõ toàn bộ các giao dịch và các khiếu nại, giải quyết khiếu nại liên quan đến khu đất tranh chấp; đồng thời đưa phải đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản tranh chấp vào tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần phải xem xét đánh giá tính hợp pháp của các giao dịch nhằm xác định các giao dịch này có hợp pháp hay không, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với các giao dịch thuộc trường hợp ngay tình, đúng pháp luật.

[5] Đối với khu đất tọa lạc tại số 1/153, BH, xã TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh các đương sự cũng đều thừa nhận có nguồn gốc là của cụ M3. Các nguyên đơn có mặt tại phiên tòa phúc thẩm đều thống nhất di sản của cụ M3 đối với phần đất này là 947,7m². Các nguyên đơn có mặt tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến không tranh chấp phần 300m² trước đây cụ M3 đã cho bà N1. Tuy nhiên, các đương sự này cho rằng diện tích đất rất lớn nên yêu cầu được nhận kỷ phần bằng đất, không đồng ý nhận bằng giá trị.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ các chứng cứ và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Việc thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm không thể thu thập, khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

[7] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn còn yêu cầu định giá lại toàn bộ các tài sản tranh chấp vì cho rằng việc định giá theo Biên bản định giá ngày 04/4/2007 và việc Tòa án cấp sơ thẩm áp giá theo Công văn số 22626/CCT-TB&TK ngày 13/12/2017 của Chi cục Thuế quận BT để chia di sản thừa kế của cụ H10 và cụ M3 là không còn phù hợp với giá trị tại thời điểm hiện nay. Tuy nhiên, do hủy bản án sơ thẩm nên các yêu cầu này của đương sự sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[8.1] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

[8.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H4, bà Võ Thị H3, ông Võ Minh N, ông Mai Hữu Th3, bà Bùi Thị Ngọc E, ông Lê Viết Th, ông Võ Kim B1.

2. Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 1696/2017/DS-ST ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự kháng cáo không phải chịu.

3.3. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Thu H4, bà Võ Thị H3, ông Võ Minh N, ông Mai Hữu Th3, bà Bùi Thị Ngọc E, ông Lê Viết Th, ông Võ Kim B1 theo các Biên lai thu số 0044591 ngày 22/5/2018 (bà Nguyễn Thị Thu H4); số 0048717 ngày 23/01/2018 (ông Lê Viết Th); số 0048708 ngày 22/01/2018 (bà Bùi Thị Ngọc E); số 0044212 ngày 11/01/2018 (ông Võ Kim B1); số 0048704 ngày 22/01/2018 (bà Võ Thị H3); số 0048724 ngày 24/01/2018 (ông Mai Hữu Th3); số 0048707 ngày 22/01/2018 (ông Võ Minh N) nộp cùng của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND thành phố Hồ Chí Minh(1);
- VKSND thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (17);
- Lưu HS (2). VP(6). 30b (BA36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên - Nguyễn Văn Tửu

Vũ Ngọc Huynh

